

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

14/11

D71.112

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....14...../.....11...../.....2023.....

Phòng thi: D71.112.....

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (120 -)/DA22QV

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110922001	Lê Đặng Kiều Anh	07/04/2004	Nữ	8.0	3.5	5.8	001			
2	110922002	Nguyễn Xuân Thanh Anh	06/03/2004	Nữ	8.0	5.0	6.5	002			
3	110922003	Lâm Tiểu Bảo	29/11/2004	Nam	9.0	3.8	6.4	003			
4	110922005	Võ Thị Thu Bình	06/01/2004	Nữ	8.8	3.3	6.1	004			
5	110922006	Đoàn Thị Ngọc Châu	19/09/2004	Nữ	7.5	3.0	5.3	005			
6	110922007	Nguyễn Thị Hồng Diệp	20/09/2004	Nữ	7.5	3.0	5.3	006			
7	110922008	Cao Thị Mỹ Duy	06/07/2004	Nữ	9.5	4.3	6.9	007			
8	110922010	Thạch Chí Hào	11/11/2004	Nam							
9	110922012	Hồ Thị Thúy Huỳnh	26/04/2004	Nữ	8.3	3.5	5.9	009			
10	110922013	Trần Triệu Mẫn	10/12/2004	Nữ	8.0	7.0	7.5	010			
11	110922017	Thạch Thị Thúy Ngọc	19/04/2004	Nữ	8.0	4.8	6.4	011			
12	110922018	Thạch Thị Thu Nguyệt	15/02/2002	Nữ	8.0	2.5	5.3	012			
13	110922019	Huỳnh Xuân Nhi	03/02/2004	Nữ	9.3	5.5	7.4	013			
14	110922022	Nguyễn Thị Hà Phương	09/10/2004	Nữ	8.0	3.0	5.5	014			
15	110922025	Huỳnh Hiếu Tài	05/11/2004	Nam	7.3	4.3	5.8	015			
16	110922033	Trần Nguyễn Minh Tính	08/12/2004	Nam	8.3	4.8	6.6	016			
17	110922034	Phan Ngọc Trâm	07/10/2004	Nữ	9.3	2.0	5.8	017			
18	110922035	Võ Trung Trực	01/11/2004	Nam	6.8	4.8	5.8	018			
19	110922036	Nguyễn Thế Vinh	09/03/2004	Nam	8.0	5.0	6.5	019			
20	110922037	Chau Sóc An	10/10/2004	Nam	8.0	2.8	5.4	020			
21	110922038	Ngô Thị Ngọc Bích	10/11/2004	Nữ	7.8	4.5	6.2	021			
22	110922039	Lưu Quan Huy	05/10/2004	Nam	8.5	3.8	6.2	022			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 21.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 21.....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: Trần Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 16 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Ái Mỹ

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Ái Mỹ

Nguyễn Thị Ái Mỹ

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

14/11
ĐT 1.113

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (120 -)/DA22QV

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
14 / 11 / 2023

Phòng thi: ĐT 1.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110922040	Tổng Quốc Huy	24/10/2004	Nam	7.5	5,0	6.3	010	<u>AC</u>		
2	110922041	Phạm Thị Yến Linh	09/09/2004	Nữ	8.3	6,5	7.4	011	<u>AC</u>		
3	110922042	Nguyễn Hoàng Minh	01/07/2004	Nam	8.0	6,0	7.0	012	<u>Minh</u>		
4	110922044	Néang Sóc Pha	22/09/2004	Nữ	8.0	3,5	5.8	013	<u>Thu</u>		
5	110922045	Néang Sóc Phine	05/04/2004	Nữ	8.0	3,3	5.8	014	<u>Phine</u>		
6	110922053	Nguyễn Thanh Hoài	01/03/2001	Nam	10.0	4,5	7.3	017	<u>AC</u>		
7	110922055	Thạch Thị Bé Mai	25/04/2004	Nữ	9.0	6,3	7.7	018	<u>Thạch</u>		
8	110922056	Thạch Phát Minh	04/03/2003	Nam	9.8	6,3	8.1	019	<u>PM</u>		
9	110922060	Trần Tấn Tài	19/03/2004	Nam	8.5	4,0	6.3	020	<u>AC</u>		
10	110922063	Nguyễn Trúc Quỳnh	14/12/2004	Nữ	7.5	3,8	5.8	021	<u>AC</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 10

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 10

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 10

Tổng số tờ: 10

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 16 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Ái Mỹ

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (120 -)/DA22KNT

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
14 / 11 / 2023

Phòng thi: D7.1.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114621054	Trần Như Ý	25/04/2001	Nữ	7.5	/	/	/	/		
2	114622002	Phan Phương Du	05/09/2004	Nữ	9.0	5,3	7.2	002	/		
3	114622010	Nguyễn Ngô Ngọc Thảo	30/09/2004	Nữ	9.5	5,5	7.5	003	/		
4	114622044	Nguyễn Thị Mỹ Ngân	02/05/2004	Nữ	10.0	4,8	7.4	004	/		
5	114622046	Thạch Thị Kim Ngân	20/04/2004	Nữ	9.0	/	/	/	/		
6	114622056	Hồng Phú	07/03/2004	Nam	10.0	5,8	7.9	006	/		
7	114622057	Nguyễn Thị Tô Quyên	17/01/2004	Nữ	9.5	3,5	6.5	007	/		
8	114622059	Trần Thúy Quỳnh	14/09/2004	Nữ	8.5	5,5	7.0	008	/		
9	114622061	Kim Thị Sương	04/02/2002	Nữ	9.5	/	/	/	/		
10	114622078	Thạch Thị Hải Đăng	16/10/2004	Nữ	10.0	7,0	8.5	015	/		
11	114622081	Lê Nhựt Quang	29/12/2003	Nam	9.5	6,0	7.8	016	/		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 11

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 08

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 08

Tổng số tờ: /

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 16 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Ái Mỹ

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

14/11
D71.114

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (120 -)/DA22CNOTA

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
14/11/2023

Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	118022006	Hồ Phúc	Bảo	06/01/2004	Nam	9.5	4.5	7.0	001	Bảo	
2	118022008	Trần Vũ	Bảo	25/03/2004	Nam	10.0	3.5	6.8	002	Bảo	
3	118022022	Trương Minh	Đức	15/04/2004	Nam	10.0	3.3	6.8	003	Đức	
4	118022038	Nguyễn Quang	Huy	25/11/2004	Nam	10.0	5.3	7.8	004	Huy	
5	118022109	Nguyễn Tài	Lộc	26/04/2004	Nam	9.8	5.3	7.6	005	Tài	
6	118022112	Trương	Quảng	24/06/2004	Nam	8.3	5.5	6.9	006	Quảng	
7	118022115	Trần Huy	Tỉnh	20/02/2004	Nam	10.0	6.8	8.4	007	Tỉnh	
8	118022116	Nguyễn Phúc Phương	Trí	26/10/2004	Nam	9.0	4.5	6.8	008	Trí	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 08

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 08

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 08

Tổng số tờ: 08

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Kim Hải

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 16 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Thị Sen

Cán bộ kiểm tra: [Chữ ký]

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (120 -)/DA22QLDL(CO-OP)

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
10 / 11 / 2023

Phòng thi: 021.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114622013	Hồ Thị Cẩm Tú	04/08/2004	Nữ	10.0	7.8	8.9	009			
2	114622016	Phan Hoàng Phương Anh	11/08/2003	Nữ	9.0	6.5	7.8	010			
3	114622040	Võ Thị Thu Minh	17/07/2004	Nữ	9.5	7.0	8.3	013			
4	114622042	Lê Thị Hồng Mỹ	29/04/2004	Nữ	10.0	6.3	8.2	01A			
5	114622043	Phạm Quốc Nam	22/12/2002	Nam	8.3	4.5	6.4	015			
6	114622053	Trần Nguyễn Anh Như	16/12/2004	Nữ	10.0	6.3	8.2	016			
7	114622068	Phan Thị Huyền Trân	04/02/2004	Nữ	10.0	7.0	8.5	021			
8	114622069	Phạm Thị Huế Trân	13/03/2004	Nữ	10.0	7.3	8.7	022			
9	114622074	Bùi Thị Ánh Tuyết	27/11/2004	Nữ	10.0	6.5	8.3	023			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 09

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 09

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 09

Tổng số tờ: 09

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 16 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (120 -)/DA22QLDL(CO-OP)QT
CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: T.N
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
14 / 11 / 2023
Phòng thi: Đ71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114622019	Kim Thị Sô Li	06/09/2004	Nữ	10.0	4,8	7.4	011	<u>Li</u>		
2	114622028	Lê Thu	31/10/2004	Nữ	9.5	5,8	7.6	012	<u>Thu</u>		
3	114622060	Kim Khắc Thiên	04/02/2004	Nam	6.0	5,0	5.5	017	<u>Kim</u>		
4	114622062	Võ Thị Kim	12/08/2004	Nữ	6.5	3,3	4.9	018	<u>Kim</u>		
5	114622063	Thạch Chan	08/03/2004	Nam	9.5	5,0	7.3	019	<u>Chan</u>		
6	114622065	Trần Minh	17/01/2004	Nữ	10.0	4,3	7.2	020	<u>Minh</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 06
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 06
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 06
Tổng số tờ: 06

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Đình Kim Hân

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 16 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Sen

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành